TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 11 năm 2019
"*V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Trọng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thuật và bà Đặng Thị Minh Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Duy Liệu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 11 năm 2019. Tại Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 410/2019/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 07/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22/10/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chu Thị T1, sinh năm 1986.

2. Bị đơn: Anh Chu Nhân T2, sinh năm: 1984.

Cùng địa chỉ: Đội 1, thôn YB, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Chị T1 có mặt, anh T2 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chu Thị T1 trình bày: Chị và anh T2 kết hôn năm 2005, đăng ký kết hôn tại UBND xã VL, huyện Ba Vì. Hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn chung sống tại đội 1 thôn YB, xã VL, huyện Ba Vì. Chị và anh T2 sống hạnh phúc với nhau được mười năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh T2 chơi bời, lô

đề, cờ bạc, cá độ, không quan tâm đến gia đình, chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được, chính vì vậy cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Chị và anh T2 đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2015 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chu Nhân T2.

Con chung: Vợ chồng có hai con chung là Chu Thị Nhật L, sinh ngày 17/01/2006 và Chu Nhân T3, sinh ngày 29/11/2007. Khi ly hôn, chị xin nuôi các con, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng: Chị T1 xác nhận không có.

Tại bản tự khai ngày 23/8/2019, ngày 26/8/2019 cháu Chu Thị Nhật L và Chu Nhân T3 khai: Chúng cháu là con của mẹ T1 và bố T2, chúng cháu có biết việc mẹ làm đơn xin ly hôn với bố. Nguyên nhân mẹ xin ly hôn với bố thì chúng cháu không biết, nếu mẹ ly hôn với bố chúng cháu xin ở với mẹ vì hiện tại bố cháu đi làm ăn xa nhà, không biết khi nào về.

Tại biên bản xác minh ngày 12/9/2019 chính quyền địa phương xã VL cho biết: Chị Chu Thị T1 và anh chu Nhân T2 là công dân của đội 1, thôn YB, xã VL, chị T1, anh T2 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL. Quá trình chung sống, do tính chất công việc hai anh chị không sống gần nhau nên không tìm được tiếng nói chung trong việc xây dựng hạnh phúc gia đình. Nay chị T1 xin ly hôn với anh T2, chính quyền địa phương xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khó có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T2 hiện nay không có mặt tại địa phương, anh T2 đi đâu, làm gì không khai báo nên chính quyền địa phương không biết anh T2 hiện nay đang ở đâu.

* Tại phiên tòa:

Chị T1 giữ nguyên quan điểm .

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T1 được ly hôn với anh T2.

+ Đề nghị giao hai cháu Chu Thị Nhật L, sinh ngày 17/01/2006 và Chu Nhân T3, sinh ngày 29/11/2007 cho chị Chu Thị T1 nuôi dưỡng. Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T2 cho đến khi có yêu cầu mới.

+ Về tài sản chung, riêng, nợ chung: Không xem xét.

+ Về án phí: Chị Chu Thị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Anh Chu Nhân T2 đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án nhưng không chấp hành, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo hòa giải và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T2 vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt anh T2.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị T1 và anh Chu Nhân T2 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T2 chơi bời, không quan tâm đến gia đình, chị T1 đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được, hai anh chị đã có thời gian sống ly thân. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T1 và anh T2 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị T1 được ly hôn anh T2 là phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Chu Thị T1 và anh Chu Nhân T2 có hai con chung là Chu Thị Nhật L, sinh ngày 17/01/2006 và Chu Nhân T3, sinh ngày 29/11/2007. Chị T1 xin nhận nuôi con, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung, hai cháu Lê và cháu T3 đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Việc nuôi con chưa trưởng thành vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của cha mẹ, anh T2 hiện tại không có mặt tại địa phương không rõ nơi ở vì vậy cần giao cháu L và cháu T3 cho chị T1 nuôi dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T2 là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T2 được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T1 xác nhận không có, anh T2 vắng mặt không thể hiện quan điểm Hội đồng xét xử chưa xem xét, nếu anh T2 có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Chị Chu Thị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14. **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị T1 được ly hôn anh Chu Nhân T2.

2. Về con chung: Giao cháu Chu Thị Nhật L, sinh ngày 17/01/2006 và Chu Nhân T3, sinh ngày 29/11/2007 cho chị chị Chu Thị T1 nuôi dưỡng đến khi các cháu L, T3 đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu khác, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T2. Anh T2 được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xét.

4. Về án phí: Chị Chu Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T1 đã nộp tại Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì ngày 15/8/2019 theo biên lai số AG/2010/ 0009523.

5. Quyền kháng cáo: Chị T1 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày T2 án. Anh T2 được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hợp L bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- *TAND TP Hà Nội*
- *VKSND huyện*
- *Người tham gia tố tụng*
- *UBND xã VL.*
- *THA dân sự*
- *Lưu hồ sơ*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hoàng Trọng Đức